

SỰ PHÁT TRIỂN CỦA GIỚI ĐẠI ĐỊA CHỦ VÀ PHƯƠNG THỨC SỬ DỤNG RUỘNG ĐẤT CỦA HỌ Ở TIỀN GIANG TRONG NỬA SAU THẾ KỶ XIX

NGUYỄN PHÚC NGHIỆP*
LÊ THỊ KIM LOAN**

Năm 1861, thực dân Pháp chiếm được Tiền Giang. Kể từ đó, chế độ sở hữu ruộng đất ở đây có sự chuyển biến mới. Theo quy định của Thống đốc Nam Kỳ năm 1882, sở hữu dưới 10 ha được xem là sở hữu nhỏ (1). Ở Mỹ Tho, đến cuối thế kỷ XIX, có 19.125 chủ ruộng có sở hữu dưới 10 ha (2). Qua đó, ta thấy rằng, thực dân Pháp vẫn cho phép sở hữu nhỏ tồn tại nhằm mục đích thâm độc là lôi kéo người nông dân bản xứ gắn kết với chế độ thực dân Pháp.

Tuy nhiên, điều mà chính quyền thực dân quan tâm đến nhiều nhất là phát triển những điền sản lớn nhằm phục vụ cho việc xuất khẩu thóc gạo của bọn chúng (3). Từ đó, giới đại địa chủ ngày càng phình ra. Về vấn đề này, trong luận văn *Chế độ sở hữu ruộng đất lớn ở Nam Bộ thời kỳ Pháp thống trị*, Trần Ngọc Định viết: “Xuất phát từ những yêu cầu của thị trường thế giới về lúa gạo; và nhất là do những món lợi nhuận kếch xù trong việc xuất cảng lúa gạo

thời thúc; nên đế quốc Pháp chủ trương tăng cường vơ vét lúa gạo thật nhiều để xuất cảng. Song muốn đảm bảo cho việc vơ vét được nhiều lúa gạo để phục vụ cho xuất cảng, tất nhiên phải phát triển chế độ sở hữu ruộng đất lớn; hay nói một cách cụ thể hơn là cần phải tạo ra một tầng lớp đại địa chủ, sản xuất thật nhiều lúa gạo cho đế quốc Pháp” (4).

Lúc bấy giờ, ở Tiền Giang đã xuất hiện nhiều đại địa chủ; riêng trên địa bàn Mỹ Tho, đến cuối thế kỷ XIX, có 4.518 chủ ruộng sở hữu từ 10 ha đến trên 1.000 ha, chiếm đến 2/3 diện tích tư điền của toàn tỉnh (5). Tầng lớp đại địa chủ ở Tiền Giang, phần lớn là người Việt; chỉ có một số rất ít là người Pháp: 5 người (6). Sở dĩ có tình hình ấy là do, trong nửa đầu thế kỷ XIX, hầu hết đất đai ở Tiền Giang đã được khai hoang và đi vào sản xuất ổn định; tất nhiên, đất đai ấy đã có chủ; cho nên, chính quyền thực dân không thể tự tiện cất đất, chuyển nhượng cho những cô - lòng người Pháp.

* TS, ThS. Đại học Tiền Giang

1. Các phương thức mở rộng ruộng đất của giới đại địa chủ

Từ năm 1861, ở Tiền Giang, giới đại địa chủ mở mang diện tích sở hữu ruộng đất bằng các phương thức sau đây:

- *Thứ nhất*, thừa kế ruộng đất từ cha mẹ của họ, vốn là đại địa chủ trước khi thực dân Pháp xâm chiếm Tiền Giang (1861); rồi sau đó, các địa chủ này mở rộng ruộng đất bằng cách kiêm tính ruộng đất của nông dân hoặc của địa chủ bị phá sản. Tiêu biểu là hai đại địa chủ Dương Thị Hương và Trần Văn Học:

+ Bà Dương Thị Hương ở Gò Công, thừa kế 117 ha 68 a 49 ca ruộng từ cha mẹ của bà là Dương Tấn Bốn và Trần Thị Sanh. Năm 1865, bà kết hôn với Huỳnh Đình Ngươn. Từ đây, bà đã mua thêm 1.042 ha 65 a 10 ca ruộng và 47 ha 88 a 05 ca đất, tổng cộng là 1.090 ha 53 a 15 ca. Như vậy, số ruộng đất mà bà Hương mua gấp 9 lần số ruộng đất mà bà thừa kế. Tổng số ruộng đất bà Dương Thị Hương sở hữu là 1.208 ha 21 a 64 ca, trải dài trên 19 làng ở Gò Công. Ngoài ra, bà còn có một khối lượng tài sản rất lớn, tương đương 523 ha ruộng. Tuy nhiên, bà cũng cho các con của bà đứng bộ một số ruộng đất mà bà đã mua, như Huỳnh Đình Hạo đứng bộ 84 ha 25 a 64 ca, Huỳnh Thị Ngõ đứng bộ 42 ha 9 a 49 ca, Huỳnh Thị Nữ đứng bộ 26 ha 17 a 28 ca, Huỳnh Thị Diệu đứng bộ 6 ha 51 a. Thực ra, số ruộng đất đó, bà Hương làm chủ hoàn toàn. Trong di chúc, bà đã ghi rõ điều ấy: *"Mấy sở ruộng và đất, hoặc con trai, con gái tôi mà tên nào có đứng bộ thì tôi cũng gộp lại mà chia cho đồ đồng vì nguyên là tiền bạc của tôi mua mà để tên chúng nó đứng bộ mà thôi"* (7). Chưa có tư liệu để lý giải vì sao bà Hương cho con của bà đứng bộ ruộng đất do bà mua. Được biết, dưới thời thuộc Pháp, có một hiện tượng

phổ biến là, đại địa chủ khi đã lớn tuổi và các con của họ đã lập gia đình thì họ thường cho các con đứng bộ ruộng đất; và xem đó là một trong những phần tài sản được thừa kế sau khi đại địa chủ ấy qua đời.

Số ruộng đất mà bà Dương Thị Hương mua bằng các phương cách như sau:

Thứ nhất, mua từ các địa chủ bị phá sản. Có 37 địa chủ sở hữu từ 10 ha trở lên bán ruộng đất cho bà Hương với tổng diện tích là 1.038 ha 49 a 97 ca; trong đó, có 2 đại địa chủ sở hữu hơn 100 ha, là Huỳnh Văn Tấn (122 ha 64 a 54 ca) và Nguyễn Thị Ở (108 ha 49 a 44 ca). Theo lời kể của gia tộc bà Hương, việc bà mua ruộng đất của Huỳnh Văn Tấn là nhằm để trả thù việc Huỳnh Văn Tấn đã hại chết Bình Tây đại tướng quân Trương Định; bởi vì, mẹ của bà là Trần Thị Sanh, sau khi cha của bà là ông Dương Tấn Bốn mất, đã tái giá với Trương Định. Như vậy, Trương Định là cha dượng của bà Dương Thị Hương.

Thứ hai, mua từ các địa chủ có ruộng đất, do thiếu nợ, bị chính quyền phát mãi. Có 3 địa chủ bị phát mãi ruộng đất với tổng diện tích là 34 ha 3 a; và bà Hương đã mua số ruộng đất này (8).

Thứ ba, mua từ người tiểu nông do nợ nần phải bán số ruộng đất của mình. Trường hợp này có 8 người bán ruộng với tổng diện tích là 17 ha 73 a 18 ca (9).

+ Ông Trần Văn Học ở làng Bình Cách (Chợ Gạo). Ông Học được thừa kế (kể cả phần hương hỏa) 95 mẫu. Nhưng đến năm 1877, ông đã tậu thêm 361 mẫu ruộng đất (10). Như vậy, số ruộng đất mà ông Học mua gấp 7 lần số ruộng đất mà ông thừa kế, trải dài trên 8 làng ở Chợ Gạo (11).

Giống như bà Dương Thị Hương, ông Trần Văn Học cũng cho các con mình đứng bộ một số ruộng đất do ông mua, như Trần

Văn Thái đứng bộ 90 mẫu, Trần Văn Thịnh đứng bộ 21 mẫu. Thực ra, số ruộng đất đó đều thuộc quyền sở hữu của ông Trần Văn Học (12).

Số ruộng đất mà ông Trần Văn Học mua từ các nguồn sau đây:

Thứ nhất, mua từ các địa chủ bị phá sản. Đây là nguồn mua ruộng đất chủ yếu của ông Học. Trong số 22 trường hợp bán ruộng đất cho ông Học thì đã có đến 15 trường hợp mà người bán là địa chủ; với tổng diện tích là 322 mẫu; trong đó có 3 địa chủ sở hữu trên 40 mẫu, là ông Dương Văn Uy: 45 mẫu, ông Nguyễn Văn Huyền: 40 mẫu và ông Nguyễn Văn Giai: 40 mẫu (13).

Thứ hai, mua từ người tiểu nông. Có 6 người, do nợ nần, phải bán ruộng đất cho Trần Văn Học với tổng diện tích là 19 mẫu (14).

Thứ ba, mua từ ruộng công. Đó là việc hương chức làng Song Thạnh bán 20 mẫu ruộng công cho Trần Văn Học (15).

Như vậy, qua việc mua ruộng đất của hai địa chủ Dương Thị Hương và Trần Văn Học, ta thấy rằng, phần lớn ruộng đất mà bà Hương và ông Học mua đều có nguồn gốc từ các địa chủ bị phá sản. Điều đó chứng tỏ, trong nội bộ của giai cấp địa chủ tiếp tục có sự phân hóa sâu sắc; một số đại địa chủ đã thu tóm trong tay một số lượng ruộng đất cực lớn, chi phối tình hình phân phối ruộng đất và sản xuất nông nghiệp ở địa phương. Tính đến cuối thế kỷ XIX, ở địa bàn Mỹ Tho, có 19 đại địa chủ sở hữu từ 300 đến trên 1.000 ha (16). Đồng thời, cũng qua đó, ta thấy, việc mở rộng ruộng đất của giới đại địa chủ ở Tiền Giang trong chừng mực nào đó, có khác với đại địa chủ ở miền Tây Nam Bộ. Đại địa chủ ở Tiền Giang mở rộng diện tích ruộng đất của mình, chủ yếu, từ việc mua ruộng đất của các địa chủ

bị phá sản. Trong khi đó, giới đại địa chủ ở miền Tây Nam Bộ, để sở hữu nhiều ruộng đất, phần lớn là chấp chiếm ruộng đất của nông dân thông qua việc cho vay nặng lãi và lừa lọc, lợi dụng sự mù chữ, kém hiểu biết luật lệ của người nông dân để cướp đất (17). Sở dĩ có sự khác biệt đó là do, ở Tiền Giang, trước năm 1861, sở hữu lớn đã chiếm ưu thế trong cơ cấu sở hữu ruộng đất ở đây; nói cách khác, đây là vùng đất được khai thác từ rất sớm, giới đại địa chủ chiếm một tỉ lệ áp đảo so với người tiểu nông; và trong buổi đầu thống trị của thực dân Pháp, do nhiều nguyên nhân, một bộ phận của giới này bị phá sản; phải bán ruộng đất của mình. Còn ở miền Tây Nam Bộ, tình hình diễn ra dường như ngược lại. Dưới thời nhà Nguyễn, do thiếu nhân lực, nên việc khai hoang ở đây tiến triển rất chậm chạp (18); và vì thế sở hữu nhỏ của người tiểu nông giữ vị trí chủ đạo. Sang thời Pháp thuộc, do chính sách ưu đãi giới đại địa chủ của thực dân Pháp, nên người tiểu nông ở đây dần dần bị mất ruộng đất; và thế là, sở hữu lớn của đại địa chủ trở nên phổ biến ở miền Tây Nam Bộ (19).

Thứ hai, giới đại địa chủ mở rộng ruộng đất xuất phát từ chính sách chuyển nhượng ruộng đất của thực dân Pháp.

Như ta đã biết, Tiền Giang là một trong những trung tâm kháng chiến chống thực dân Pháp mạnh nhất ở Nam Kỳ trong nửa sau thế kỷ XIX. Để "bình định" vùng đất này, bọn chúng đã ra sức đàn áp các cuộc nổi dậy của nhân dân. Những người tham gia kháng chiến, có một số đã anh dũng hy sinh trên chiến trường; một số khác phải rời khỏi quê hương do sự truy nã gắt gao của thực dân Pháp. Tất nhiên, khi đó, ruộng đất của họ bị chính quyền thực dân tịch thu.

Mặc dù các cuộc khởi nghĩa ở Tiền Giang lần lượt bị thất bại; nhưng nhân dân vẫn kiên quyết tỏ thái độ chống Pháp bằng phong trào *"tỵ địa"*. Từ năm 1861, ở Tiền Giang có nhiều đoàn người rời bỏ làng quê của mình đang bị bọn thực dân chiếm đóng để đến sinh sống ở những nơi còn nằm dưới sự kiểm soát của triều đình. Một khi đã như thế thì ruộng đất của họ cũng bị lọt vào tay bọn Pháp xâm lược.

Trong nửa đầu thế kỷ XIX, công cuộc khẩn hoang ở Tiền Giang đã căn bản được hoàn thành. Thế nhưng, cũng có một số nơi ở vùng sâu, vùng xa hầy còn hoang hóa, như vùng Đồng Tháp Mười, vùng duyên hải Tây Bắc Gò Công, mà dân gian quen gọi là *"Đám lá tối trời"*. Tất cả những đất đai ấy đều phải chịu sự quản lý và phân phối của chính quyền thực dân Pháp.

Nắm trong tay một quỹ đất khá dồi dào như thế, thực dân Pháp thực hiện chính sách chuyển nhượng ruộng đất cho những người có tiền của xin khai thác ruộng đất. Trên địa bàn Mỹ Tho, sau khi hệ thống kênh Tổng đốc Lộc được hoàn thành năm 1897, thực dân Pháp đã công nhận quyền sở hữu ruộng đất cho những người có đơn xin chuyển nhượng đất đai ở Đồng Tháp Mười (20). Ở Gò Công, việc chuyển nhượng mãi đến năm 1927 mới chấm dứt (21). Thông thường, người xin chuyển nhượng ruộng đất không phải tốn bất kỳ một chi phí nào; mà chỉ cần phải tuân theo quy định của nhà cầm quyền là cứ mỗi năm phải khai thác 1/5 diện tích đã được chuyển nhượng và sau từ 3 - 5 năm phải nộp thuế cho nhà nước thuộc địa (22).

Diễn hình cho việc này là chính quyền thực dân tỉnh Mỹ Tho chuyển nhượng quyền sở hữu ruộng đất ở cù lao Năm Thôn cho Taillefer.

Taillefer là Đại úy hải quân trong đội quân xâm lược của thực dân Pháp tại Mỹ Tho (23). Thấy con đường nhà binh không thể nào làm giàu nhanh được, y bèn xin rời quân ngũ và nhảy qua lĩnh vực kinh doanh. Năm 1864, Taillefer lập kế hoạch xây dựng trạm bơm ở Mỹ Tho, dự định nắm độc quyền về thủy lợi và tiến tới việc cướp đất dọc theo kênh Bảo Định. Tuy nhiên, kế hoạch đầy tham vọng của y không thành. Không dừng lại ở đó, năm 1866, Taillefer thành lập Công ty trồng trọt và thủy lợi Nam kỳ. Để cho công ty có điều kiện hoạt động, y gửi đơn lên viên Chánh tham biện Mỹ Tho, xin được chuyển nhượng ruộng đất ở cù lao Năm Thôn, với lý do là dân ở cù lao này đã tản cư gần hết, chỉ còn có 6 hộ với diện tích canh tác khoảng 36 ha (24).

Theo thủ tục, đơn của Taillefer được niêm yết tại dinh Tham biện Mỹ Tho trong suốt ba tháng. Thời bấy giờ, người dân Năm Thôn không có điều kiện đi đến Mỹ Tho; lại không đọc được chữ Pháp và không am hiểu luật lệ của nhà nước thực dân. Cho nên, đơn xin chuyển nhượng ruộng đất của Taillefer dễ dàng được cho thông qua. Năm 1867, Chánh tham biện Mỹ Tho chính thức ra quyết định chuyển nhượng 300 ha ruộng đất ở cù lao Năm Thôn cho Taillefer làm chủ. Số ruộng đất này tương đương 3.000 francs. Và mức thuế không đổi hàng năm là 3.180 francs (25). Có thể nói, đây là một trong những trường hợp đầu tiên ở Nam Bộ, người nông dân bị thực dân Pháp cướp đất một cách trắng trợn. Từ đó, bằng nhiều thủ đoạn thâm độc, Taillefer đã chiếm gần như toàn bộ diện tích ruộng đất ở cù lao Năm Thôn (26).

Thứ ba, con đường dẫn đến sự phát triển giới đại địa chủ ở Tiền Giang là từ việc ban cấp ruộng đất của chính quyền thực dân cho những tên Việt gian. Lúc bấy

giờ, ở Tiền Giang đã nổi lên hai tên tay sai có cỡ của thực dân Pháp là Huỳnh Văn Tấn và Trần Bá Lộc.

Huỳnh Văn Tấn đã từng tham gia cuộc khởi nghĩa Trương Định. Năm 1962, y phản bội, đầu thú giặc. Ngày 20-8-1864, Huỳnh Văn Tấn bí mật dẫn quân đến đánh úp nơi ở của Trương Định. Sau một trận chiến đấu không cân sức, Trương Định đã anh dũng hy sinh. Sau đó, Huỳnh Văn Tấn còn tham gia đàn áp nhiều cuộc khởi nghĩa khác ở Nam Bộ.

Để trả công làm tay sai của Tấn, ngoài việc phong chức Lãnh binh, thực dân Pháp còn ban cấp cho y 122 ha 64 a 54 ca ruộng đất ở hai làng Vĩnh Trị và Vĩnh Thạnh thuộc Gò Công (27). Số ruộng đất này, nguyên là ruộng đất của nghĩa quân Trương Định và gia đình của họ, bị bọn thực dân tịch thu. Được biết, ở hai làng này có nhiều người tham gia cuộc khởi nghĩa Trương Định (28). Việc Tấn trở thành đại địa chủ, rất mực giàu sang nhờ công làm "khuyển mã" cho giặc được Nguyễn Liêng Phong ghi lại như sau:

*Ông Huỳnh Công Tấn ngôi cao,
May thời gặp vận như phao một hồi.
Trở thương ông Định vừa rồi,*

*Quốc gia trọng thưởng chức ngôi lãnh
binh.*

*Mấy năm oanh liệt một tràng,
Ruộng vườn dinh dẫy giàu sang ai bì.
Bao nhiêu hoa ốc phi diên,*

Lan tôn quế tử hóa miễn không không.
(29).

Với số ruộng đất đó, hàng năm, Tấn thu được hơn 300 đồng (30), tương đương với trị giá của 10 ha ruộng (31) hoặc 14 tấn thóc (32). Thế nhưng, do ăn chơi phung phí, nên y lần hồi bị phá sản; và đến năm 1871, phải

bán toàn bộ số ruộng đất đó cho bà Dương Thị Hương như đã đề cập ở đoạn trên (33).

Tên Việt gian thứ hai là Trần Bá Lộc. Y đã từng chỉ huy đàn áp các cuộc khởi nghĩa của Võ Duy Dương ở Đồng Tháp Mười, Trần Xuân Hòa và Tứ Kiệt ở Cai Lậy, Nguyễn Hữu Huân ở Chợ Gạo, ông Ong và ông Khả ở Cái Bè (Tiền Giang), Mai Xuân Thưởng ở Bình Thuận - Khánh Hòa,...

Cũng giống như Huỳnh Văn Tấn, để thưởng công cho Trần Bá Lộc, thực dân Pháp đã phong cho ông ta nhiều chức vụ, như Tri huyện, Tri phủ, Đốc phủ sứ, Tổng đốc, ủy viên Hội đồng Tối cao Đông Dương. Bên cạnh đó, Trần Bá Lộc còn được ban cấp nhiều ruộng đất. Năm 1876, địa chủ Taillefer ở cù lao Năm Thôn bị thất bại nặng nề trong kinh doanh; nên phải giao toàn bộ diện tích ruộng đất mà ông ta sở hữu cho chính quyền thực dân để cần nợ. Và bọn chúng đã mang số ruộng đất đó ban cấp cho Trần Bá Lộc mà lúc này ông ta đang giữ chức Đốc phủ sứ Cái Bè.

Để mở rộng đất đai, Trần Bá Lộc đã có những thủ đoạn vô cùng tàn ác và thâm hiểm. Trước hết, ông ta cho đắp đập, ngăn tất cả các rạch lớn, nhỏ ở trên cù lao nối với sông Tiền, không cho nước chảy vào đồng ruộng, để bóp chẹt người nông dân. Trần Bá Lộc cấm những người không phải là tá điền của ông ta không được đi ngang qua đất của mình, dù trên bờ hay dưới nước. Đồng thời, Lộc cho tập trung những người có ruộng đất trên cù lao lại, để tra xét giấy chứng nhận quyền sở hữu ruộng đất. Bấy giờ, đa số nông dân đều không có giấy chứng nhận. Thế là, Trần Bá Lộc cưỡng ép họ phải hiến hoặc bán ruộng đất với giá cực rẻ cho ông ta. Đối với những người bán ruộng, Trần Bá Lộc chỉ trả cho họ một số tiền nhỏ tượng trưng; số còn lại, hẹn sẽ trả dần; nhưng sau đó, ông ta giết luôn. Người

nông dân “*thấp cổ bé miệng*” không thể kêu vào đầu được, đành phải chấp nhận mất ruộng đất một cách đau xót. Nhờ thế, chỉ trong một thời gian ngắn, Trần Bá Lộc đã nắm trong tay 750 ha ruộng đất. Kể từ đây, người nông dân ở cù lao Năm Thôn hoàn toàn bị cướp mất ruộng đất. Họ không còn “*một cục đất chọi chim*”; và phải làm tá điền cho tên đại Việt gian khét tiếng hung bạo Trần Bá Lộc (34).

Không dừng lại đó, sau khi hoàn thành hệ thống kênh đào mang tên ông ta hệ kênh Tổng đốc Lộc (năm 1897), với quyền thế trong tay, Trần Bá Lộc còn bao chiếm rất nhiều đất đai ở Đồng Tháp Mười, nhất là ở vùng Hậu Mỹ, Thiên Hộ (Cái Bè, Tiền Giang) (35).

Hệ quả của những sự việc trên là sự phá sản hàng loạt của người nông dân; khiến họ phải trở thành tá điền, chịu sự bóc lột nặng nề của giai cấp địa chủ.

2. Về phương thức sử dụng ruộng đất của giới đại địa chủ ở Tiền Giang

* Phương thức “*quá điền*” hay “*bao tá*”

Phương thức này hầu như chỉ được áp dụng trong số những đại địa chủ có diện tích sở hữu lớn (36). Họ cho những người có khả năng nhất định về tài chính và quản lý lĩnh canh ruộng đất. Những người này được gọi là tá điền chính hay người bao tá. Sau đó, tá điền chính lại phát canh số ruộng đất đó cho những người cần ruộng đất để canh tác; và những người này được gọi là tá điền nhỏ hay “*điền manh*”. Tất nhiên, người tá điền nhỏ phải nộp địa tô cho tá điền chính theo quy định; và tá điền chính trích một phần địa tô đó nộp cho đại địa chủ theo sự thỏa thuận giữa hai bên. Như vậy, người được hưởng lợi là đại địa chủ rồi đến tá điền chính, còn tá điền nhỏ thì bị hai lần bóc lột, nên vô cùng cơ cực.

Những đại địa chủ áp dụng phương thức khai thác ruộng đất này là vì, “*họ không muốn kiểu khai thác dân dè, “cò con”, với việc trực tiếp sử dụng tá điền nhỏ. Họ muốn nhanh chóng chứng minh rằng, điền sản của mình đã được canh tác có hiệu quả, tránh bị thu hồi về “quốc gia công điền, công thổ” như quy chế chính quyền đã ban hành đối với những ruộng đất chưa đi vào canh tác*” (37); hoặc do “*đại địa chủ không ở ngay tại ruộng đất thuộc quyền sở hữu của mình. Họ cần phải sử dụng một người đứng ra làm công việc quản lý cho họ. Đây là người quản lý chung (gérant général), cũng tức là người tá điền chính của họ (fermier lui - même)*” (38).

Ở Mỹ Tho, đến cuối thế kỷ XIX, có 1.377 sở ruộng với tổng diện tích là 1.341 ha được khai thác theo phương thức này (39), chiếm 1,4% tổng diện tích đất ruộng toàn tỉnh.

* Phương thức “*làm ruộng rẻ*”

Theo phương thức này, địa chủ và tá điền “*hợp tác*” cùng nhau để canh tác một diện tích tối đa là 5 ha (40). Đến cuối thế kỷ XIX, ở Mỹ Tho có 11.839 sở ruộng với tổng diện tích là 33.381 ha được khai thác theo chế độ “*làm ruộng rẻ*”, chiếm 36,3% tổng diện tích đất ruộng của toàn tỉnh (41).

Phương thức “*làm ruộng rẻ*” quy định rõ trách nhiệm của cả hai bên địa chủ và tá điền. Địa chủ sẽ ứng trước cho tá điền một số tiền và một số dụng cụ cần thiết cho việc canh tác ruộng đất. Tá điền phải tiến hành canh tác, trông nom ruộng đồng cho tới vụ thu hoạch; và hoàn lại số tiền được tạm ứng cho chủ ruộng theo lãi suất hiện hành của thời vụ đó. Đến kỳ thu hoạch, sản phẩm sẽ được chia đôi cho hai bên. Công sức cày, cấy, làm cỏ, trông nom ruộng đồng của tá điền sẽ không được địa chủ trả nữa; mà coi đó tương đương như khoản tiền thuê ruộng (42).

* Phương thức phát canh thu tô

Phương thức này được thực dân Pháp bảo lưu và ra sức phát triển. Bởi vì, như lời phát biểu của Toàn quyền Đông Dương De Lanessan, chế độ phát canh thu tô là “chế độ có lợi về mặt kinh tế nhất và là một chế độ chắc chắn nhất cho việc trồng trọt các loại cây cơ bản cũng như các loại cây công nghiệp. Đó là biện pháp tốt nhất để giành được thành quả lao động tối đa của người nông dân. Chế độ phát canh thu tô còn đưa lại một lợi ích to lớn nữa, đó là nó giảm được một phần vô cùng lớn những chi phí chung và những chi phí về việc giám sát của các nhà thực dân người Âu, những chi phí này ở thuộc địa lại lớn hơn rất nhiều so với ở nước Pháp” (43).

Ở Mỹ Tho, tổng diện tích ruộng đất mà địa chủ phát canh là 26.150 ha, chiếm 28,5% tổng diện tích đất ruộng của toàn tỉnh (44). Số ruộng đất đó được địa chủ cho tá điền thuê, cụ thể như sau :

- Thuê từ 1 - 3 năm: 25.098 ha
- Thuê từ 3 - 6 năm: 719 ha
- Thuê từ 6 - 9 năm: 258 ha
- Thuê trên 9 năm: 75 ha (45).

Về phương thức thu tô, ở Tiền Giang, địa chủ thu tô hiện vật theo sản lượng, chứ không theo diện tích phát canh. Theo đó, địa chủ được hưởng 2/3 hoa lợi; trong khi đó, tá điền chỉ được 1/3 mà thôi (46). Như vậy, mức địa tô rất nặng, chiếm đến 67% hoa lợi. Bằng phương thức thu tô này, với 456 mẫu ruộng, đại địa chủ Trần Văn Học, hàng năm, thu được 5.820 gạ thóc (47), tương đương 134 tấn.

Ngoài ra, đại địa chủ còn thu từ tá điền những khoản địa tô phụ. Ở Gò Công, cứ 2 ha ruộng phát canh thì địa chủ thu thêm 1 gạ gạo (23 kg), 2 gạ gạo lứt, 1 nan sấp (làm nén), 1 cặp vịt (vịt phải béo mập, mắt

phải nháy nhanh để chứng tỏ vịt không bị bệnh) và 10 ngày làm công không cho địa chủ (48). Nếu gặp năm thất mùa, chỉ khi nào hoa lợi thất thu đến 50% thì địa chủ mới cho giảm địa tô 20% (49); mà đáng lẽ mức giảm phải là 50%.

Với phương thức phát canh thu tô, địa chủ ở Tiền Giang thu được lợi nhuận nhiều hơn hẳn phương thức kinh doanh theo lối tư bản chủ nghĩa bằng việc thuê mướn nhân công nông nghiệp. Ở Tiền Giang, 1 ha ruộng có sản lượng trung bình là 60 gạ thóc (50); giá 1 gạ thóc trung bình là 0,5 đồng (piastre) (51). Như vậy, tổng giá trị bằng tiền mặt của 1 ha ruộng là: 60 gạ x 0,5 đồng = 30 đồng. Tiền thuê mướn nhân công để canh tác 1 ha là 25 đồng (52). Do đó, với phương thức thuê mướn nhân công, địa chủ thu được trên 1 ha ruộng chỉ có 30 đồng - 25 đồng = 5 đồng, tương đương 10 gạ thóc. Trong khi đó, nếu đem phát canh thu tô, với tỷ suất 67% hoa lợi, địa chủ sẽ thu được 40 gạ thóc/ha, tương đương 20 đồng. Vì vậy, xu hướng chung của đại địa chủ là đem ruộng đất phát canh cho tá điền; để sau đó, thu lại lợi nhuận bằng những khoản địa tô “cốt cố”; và lợi dụng những năm mất mùa đói kém, tước đoạt tài sản của những tá điền ấy bằng nạn cho vay lãi nặng. Ở Mỹ Tho, đến cuối thế kỷ XIX có 26.150 ha ruộng đất được khai thác theo phương thức phát canh thu tô. Sản lượng bình quân mỗi ha là 60 gạ và với mức thu tô là 67% hoa lợi; thì mỗi năm, toàn bộ địa chủ ở đây thu được số địa tô là 1.046.000 gạ thóc, tương đương 24.058 tấn. Nếu mỗi người dân trung bình mỗi tháng ăn hết 24 kg thóc (53); thì 24.058 tấn là số thóc đủ để nuôi tổng số dân ở Mỹ Tho là 233.802 người (54) trong gần 5 tháng của mỗi năm. Nạn địa tô cao đã khiến cho người tá điền, vốn đã không có mảnh đất cắm dùi, lâm vào tình cảnh sống dở, chết dở. Những năm

mất mùa, toàn bộ hoa lợi không đủ để nộp tô cho địa chủ. Thế là, tá điền đành phải vay nợ với lãi suất rất cao. Nhưng sau đó, họ lại không có khả năng hoàn trả cả vốn lẫn lãi. Cuối cùng, người nông dân tá điền bị phá sản hoàn toàn.

Phương thức phát canh thu tô đã khiến cho giai cấp địa chủ ở Tiền Giang, hàng năm, thu được một nguồn lúa gạo to lớn. Số lúa gạo đó được bán cho các thương buôn người Pháp và người Hoa; nhằm phục vụ cho chính sách xuất khẩu lúa gạo của chính quyền thực dân Pháp. Tất nhiên, địa chủ thu được một khoản tiền kếp xù. Và số tiền ấy được họ *"mang sử dụng vào những mục tiêu xa xỉ về nhà cửa, xe cộ, phương tiện sinh hoạt, làm người đỡ đầu cho các hội thể thao, vận động mua chức tước, gởi con cái đi du học những ngành nghề sau này sẽ xếp họ vào giai cấp cao hay tầng lớp thượng lưu trong xã hội (luật sư, bác sĩ, kỹ sư, ...) hoặc đem cho vay nặng lãi để tiếp tục quá trình tích lũy; chứ không đầu tư vào phát triển sản xuất, cải thiện đời sống tá điền"* (55). Như vậy, với phương thức phát canh thu tô, *"giai cấp địa chủ không đóng vai trò gì tích cực trong việc phát triển nông nghiệp ở Nam bộ"* (56).

* Phương thức thuê nhân công

Phương thức này chỉ được các địa chủ người Pháp áp dụng. Nhưng, do số lượng địa chủ người Pháp rất ít, ở địa bàn Mỹ Tho chỉ có 5 người (57), nên phương thức thuê nhân công không phổ biến bằng các chế độ khai thác ruộng đất đã trình bày.

Do chính sách bản cùng hóa nông dân của thực dân Pháp; nên nguồn nhân công ở Mỹ Tho rất dồi dào. *Địa phương chí tỉnh Mỹ Tho năm 1902* cho biết: *"Các địa chủ người Pháp có thể tìm tại chỗ các nhân công cần thiết để cày ruộng. Họ dễ dàng*

thuê nhân công ở các làng xã" (58). Thậm chí, ở Gò Công, nguồn nhân công vượt mức cần thiết trong việc khai thác đất đai. Vì thế, họ phải rời khỏi quê hương, đi về các tỉnh miền Tây Nam Bộ để tìm kiếm việc làm (59).

Do đó, giá nhân công rất rẻ và phần lớn được trả theo ngày công (lương công nhật) (60). Ngoài ra, tùy nơi, nhân công cũng được trả lương theo tháng hoặc theo năm. Đây là hình thức bóc lột giá trị thặng dư sức lao động của địa chủ đối với sức lao động của người nông dân.

Dù trả công với giá rất rẻ; nhưng các địa chủ người Pháp vẫn cắt xén tiền lương và thường xuyên đánh đập nhân công. Chính điều đó đã khiến cho nhân công bỏ đi hàng loạt. Vì thế, chính quyền thực dân tỉnh Mỹ Tho đã khuyến cáo các địa chủ người Pháp: *"Chúng ta không nên đánh đập nhân công cũng như không nên trừ cấn vào tiền lương, cái mà nhân công rất nhạy cảm và gây nên việc họ bỏ đi tức thì. Tốt hơn là chúng ta thanh toán tiền bạc ngay tại chỗ cho nhân công. Chỉ có tỏ ra mềm mỏng với nhân công và có khi phải ứng trước tiền và gạo cần thiết cho họ thì chúng ta mới đạt kết quả tốt"* (61). Thực ra, đó là biện pháp lừa bịp nhằm tăng cường hơn nữa sự bóc lột của các địa chủ người Pháp đối với người nhân công mà thôi. *Quyển Địa phương chí tỉnh Mỹ Tho năm 1902* nhấn mạnh: *"Người địa chủ thực dân phải biết nắm người nhân công bản xứ. Không được để cho thoát ra khỏi tầm kiểm soát và khỏi tầm mắt của chúng ta"* (62).

Tóm lại, do được chính quyền thực dân Pháp dung dưỡng và tạo điều kiện, giới đại địa chủ ở Tiền Giang (và cả nước) ngày càng được mở rộng, sở hữu một khối lượng lớn ruộng đất. Với việc giới đại địa chủ bao

chiếm nhiều ruộng đất và sử dụng phương thức khai thác ruộng đất kiểu phong kiến, người nông dân tá điền bị bóc lột hết sức

nặng nề. Mâu thuẫn giữa địa chủ và nông dân tá điền trở nên trầm trọng, đòi hỏi phải có một cuộc cách mạng xã hội để giải quyết.

CHÚ THÍCH

(1), (2), (6), (21), (46), (50), (52), (59). *Monographie de la province de Gocong (1936)*, tr.14, 43, 81, 123, 24, 24, 125, 24.

(3) Huỳnh Lứa (chủ biên), *Lịch sử khai phá vùng đất Nam bộ*, Nxb. Tp. Hồ Chí Minh, 1981, tr. 237.

(4), (31), (53), (55), (56). Trần Ngọc Định, “Chế độ sở hữu ruộng đất lớn ở Nam bộ thời kỳ Pháp thống trị”, Tạp chí *Nghiên cứu Lịch sử*, số 132-1970, tr. 84, 87, 83, 82, 86.

(5), (16), (20), (23), (25), (39), (41), (44), (45), (54), (57), (58), (60), (61), (62). *Monographie de la province de Mytho (1902)*, L. Ménard, Saigon, tr. 43, 81, 5, 4, 4, 46, 46, 46, 46, 83, 81, 82, 82, 82, 82.

(7), (8), (9), (27), (33). Bản chia gia tài của Dương Thị Hương ở Gò Công năm 1894.

(10), (11), (12), (13), (14), (15), (47). Tương phân gia tài Trần Văn Học văn tự.

(17). Nguyễn Thùy Dương, *Kinh tế Hà Tiên - Rạch Giá thời Pháp thuộc (1867 - 1939)*, Luận án Phó Tiến sĩ Khoa học Lịch sử, Viện Khoa học Xã hội tại Tp. Hồ Chí Minh, 1977, tr. 103.

(18). Nguyễn Đình Đầu, *Tổng kết nghiên cứu địa bạ Nam kỳ lục tỉnh*, Nxb. Tp. Hồ Chí Minh,

1995, tr. 142.

(19). Nguyễn Đình Đầu, *Nghiên cứu địa bạ triều Nguyễn: Hà Tiên*, Nxb. Tp. Hồ Chí Minh, 1994, tr. 168.

(22). Thạch Phương - Lưu Quang Tuyến (chủ biên), *Địa chí Long An*, Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1990, tr. 321.

(24), (26), (34). Trương Ngọc Tường - Nguyễn Ngọc Phan, *Cù lao Năm Thôn viên ngọc sáng trên sông Tiền*, Nxb. Tiền Giang, 1987, tr. 26, 28, 35.

(28), (48), (49). Việt Cúc, *Gò Công: cảnh cũ - người xưa*, Tác giả xuất bản, 1969, tr. 22, 123, 123.

(29), (30). Nguyễn Liêng Phong, *Nam Kỳ phong tục nhưn vật diển ca*, Nxb. Phát Toán, Sài Gòn, 1909, tr. 113, 113.

(32), (36), (37), (38), (40), (42), (43), (51). Viện Sử học, *Nông dân và nông thôn Việt Nam thời cận đại (tập 2)*, Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1992, tr. 27, 32, 33, 34, 26, 26, 25, 27.

(35). Nguyễn Phúc Nghiệp - Hoàng Khánh Thu, *Lịch sử xã Hậu Mỹ anh hùng*, Ban Tuyên huấn Huyện ủy Cái Bè xuất bản, 1996, tr. 5.